

NGHỊ QUYẾT

Về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ NĂM
(từ ngày 04/12/2017 đến ngày 06/12/2017)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Xét Tờ trình số 186/TTr-UBND, ngày 22/11/2017 của UBND Thành phố về tổng biên chế hành chính, sự nghiệp thành phố Hà Nội năm 2018; báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2018 và quyết định giao biên chế cho các cơ quan của Thành phố, quận, huyện, thị xã như sau:

1. Biên chế hành chính: 10.661 biên chế, trong đó:

- Biên chế công chức: 8.891 biên chế (gồm dự phòng 08 biên chế).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 1.358 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 412 chỉ tiêu.

2. Biên chế sự nghiệp: 148.822 biên chế, trong đó:

- Biên chế viên chức: 127.933 biên chế (gồm dự phòng: 476 biên chế).
- Lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP: 11.568 chỉ tiêu.
- Lao động hợp đồng theo định mức: 9.321 chỉ tiêu.

(Kèm theo biểu chi tiết số 1 và số 2)

Điều 2. Giao UBND Thành phố:

1. Tổ chức triển khai giao biên chế hành chính, sự nghiệp theo đúng Nghị quyết của HĐND Thành phố cùng với giao chỉ tiêu kinh tế - xã hội để các đơn vị, địa phương chủ động thực hiện ngay từ đầu năm. Trong năm 2018, nếu có phát sinh (tăng hoặc giảm) so với Nghị quyết HĐND về biên chế hành chính, sự nghiệp (bao gồm cả số lượng dự phòng công chức hành chính và viên chức sự nghiệp), UBND Thành phố thông nhất với Thường trực HĐND Thành phố trước khi thực hiện và báo cáo HĐND Thành phố vào kỳ họp trong năm 2018.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền và tổ chức thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII), cụ thể là: Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày

25/10/2017 về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 về “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập”. Đồng thời tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế gắn liền với kiện toàn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy. Nghiên cứu các cơ chế, chính sách đặc thù về khuyến khích các đối tượng nghỉ tinh giản biên chế của Thành phố, báo cáo HĐND Thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Về tổ chức bộ máy

- Tiếp tục hoàn thành sắp xếp các cơ quan đơn vị: Cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo Giải phóng mặt bằng Thành phố, Đội Quản lý trật tự xây dựng đô thị quận huyện thị xã, các Chi cục thuộc Sở Nông nghiệp, Trung tâm Điều hành và giám sát công nghệ thông tin Thành phố. Chủ động sắp xếp tổ chức bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW và số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII).

- Thực hiện rà soát tổng thể tổ chức, bộ máy hoạt động của các thôn, tổ dân phố, số lượng biên chế cán bộ chuyên trách, không chuyên trách cấp xã, số lượng cán bộ không chuyên trách ở các thôn, tổ dân phố theo hướng thu gọn đầu mối; tăng cường kiêm nhiệm các chức danh và các cơ chế, chính sách về phụ cấp, hỗ trợ phù hợp để tăng tính trách nhiệm.

- Đẩy mạnh chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp (đặc biệt là giáo dục, y tế) sang cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ, chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Xác định rõ lộ trình chuyển đổi phù hợp với lộ trình tinh giản biên chế đến năm 2021.

4. Về quản lý, sử dụng biên chế

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh đề án vị trí việc làm cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn quản lý, để đề án vị trí việc làm thực sự phát huy tối đa hiệu quả. Yêu cầu cơ quan, đơn vị xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm đã được Thành phố phê duyệt; rà soát cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm để sắp xếp, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, ... nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Đổi mới công tác tuyển dụng công chức, viên chức theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII, trong đó đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tin học vào tuyển dụng công chức, viên chức, đảm bảo tối đa nguyên tắc cạnh tranh khách quan, công bằng, minh bạch, thực tài, chống tiêu cực trong thi cử, nâng cao chất lượng đầu vào của công chức, viên chức. Giao UBND Thành phố chỉ đạo Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị điều chuyển công chức, viên chức từ nơi thừa sang nơi thiếu trước khi tuyển dụng.

- Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo chương trình, kế hoạch đề ra, trong đó coi trọng việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, kỹ năng xử lý công việc, tác phong công tác, nâng cao hiệu quả

giải quyết công việc của cán bộ, công chức, viên chức.

- Nâng cao chất lượng đánh giá công chức, viên chức; nghiên cứu tiêu chí định lượng trong việc đánh giá trên cơ sở vị trí việc làm, gắn với công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật và bổ nhiệm cán bộ. Thực hiện đánh giá hàng tháng, quý, 6 tháng và một năm nhằm đánh giá đúng người, đúng việc và khen thưởng, kỷ luật kịp thời.

- Tập trung giải pháp công nghệ thông tin để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý nhà nước. Có bước đi phù hợp tiến tới tích hợp dữ liệu dùng chung, đồng bộ trên toàn Thành phố.

5. Về công tác thanh, kiểm tra

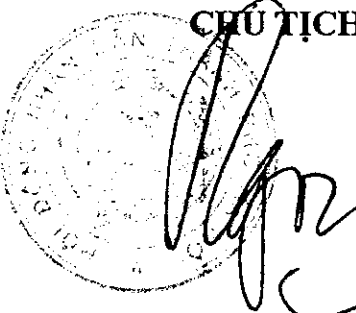
Tiếp tục xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, thanh tra việc chấp hành công vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính và việc thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức người lao động thuộc các cơ quan thuộc Thành phố. Yêu cầu các đơn vị thực hiện nghiêm và không được tự ký hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn, kiên quyết chấm dứt hợp đồng chuyên môn hiện có. Đối với những đơn vị cố tình không thực hiện, đề nghị xem xét kỷ luật theo quy định.

Điều 3. Giao Thường trực HĐND Thành phố, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2017./*ga*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác ĐB của QH; VPQH; VPCP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH Hà Nội;
- Thường trực HĐND, UBND TP, UBMTTQ TP;
- Các đại biểu HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các cơ quan thông tấn, báo chí;
- Các VP: Thành ủy, HĐND TP, UBND TP;
- Lưu: VT *ga*

CHỦ TỊCH


Nguyễn Thị Bích Ngọc



**KẾ HOẠCH SỬ DỤNG BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH
TRONG CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NĂM 2018**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2018			
		Tổng cộng	Trong đó		
			Biên chế công chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
I	Tổng cộng toàn thành phố	10 661	8 891	1 358	412
II	Khối Sở, Ngành	5 016	4 051	778	187
1	Văn phòng UBND Thành phố	195	141	54	
2	Văn phòng HĐND Thành phố	66	52	14	
3	Sở Thông tin và Truyền thông	86	73	13	
4	Sở Nội vụ	171	130	41	
5	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	793	612	181	
6	Sở Công Thương	796	693	103	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	178	161	17	
8	Sở Tài chính	243	225	18	
9	Sở Xây dựng	251	211	23	17
10	Sở Giao thông Vận tải	727	436	121	170
11	Sở Khoa học và Công nghệ	124	105	19	
12	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	169	155	14	
13	Sở Giáo dục và Đào tạo	154	134	20	
14	Sở Y tế	190	157	33	
15	Sở Văn hóa và Thể thao	129	113	16	
16	Sở Du lịch	65	56	9	
17	Sở Tư pháp	86	76	10	
18	Sở Ngoại vụ	42	34	8	
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	185	169	16	
20	Sở Quy hoạch Kiến trúc	107	92	15	
21	Thanh tra Thành phố	127	119	8	
22	Ban Dân tộc	29	21	8	
23	Ban chỉ đạo GPMB Thành phố	37	29	8	
24	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội	66	57	9	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ HÀNH CHÍNH NĂM 2018			
		Tổng cộng	Trong đó		
			Biên chế công chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức
III	Khôi Quận, huyện, thị xã	5 637	4 832	580	225
1	Quận Hoàn Kiếm	233	192	28	13
2	Quận Hai Bà Trưng	264	202	32	30
3	Quận Ba Đình	207	176	18	13
4	Quận Đống Đa	266	216	28	22
5	Quận Tây Hồ	180	153	17	10
6	Quận Thanh Xuân	179	151	18	10
7	Quận Cầu Giấy	175	152	17	6
8	Quận Hoàng Mai	206	170	17	19
9	Quận Long Biên	196	163	13	20
10	Quận Nam Từ Liêm	176	148	20	8
11	Quận Bắc Từ Liêm	181	153	20	8
12	Quận Hà Đông	205	185	20	
13	Huyện Thanh Trì	213	185	18	10
14	Huyện Gia Lâm	214	191	23	
15	Huyện Đông Anh	242	204	12	26
16	Huyện Sóc Sơn	262	212	20	30
17	Huyện Ba Vì	180	159	21	
18	Thị xã Sơn Tây	183	160	23	
19	Huyện Thạch Thất	155	143	12	
20	Huyện Phúc Thọ	146	132	14	
21	Huyện Đan Phượng	155	132	23	
22	Huyện Hoài Đức	154	142	12	
23	Huyện Quốc Oai	168	144	24	
24	Huyện Chương Mỹ	170	146	24	
25	Huyện Thanh Oai	137	125	12	
26	Huyện Thường Tín	151	138	13	
27	Huyện Ứng Hòa	159	135	24	
28	Huyện Phú Xuyên	151	136	15	
29	Huyện Mỹ Đức	163	139	24	
30	Huyện Mê Linh	166	148	18	
IV	Biên chế dự phòng	8	8		

**KẾ HOẠCH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP THUỘC THÀNH PHỐ HÀ NỘI NĂM 2018**
(Ban hành kèm theo Nghị/quyết số 17/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND Thành phố)

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2017			
		Tổng cộng	Trong đó		
			Viên chức	LĐHĐ theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHĐ theo định mức
I	TỔNG CỘNG TOÀN THÀNH PHỐ	148 822	127 933	11 568	9 321
II	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC SỞ, NGÀNH	37 902	33 858	3 821	223
1	Văn phòng UBND Thành phố	30	29	1	
2	Sở Thông tin và Truyền thông	76	73	3	
3	Sở Nội vụ	24	24		
4	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2 096	1 778	111	207
5	Sở Công Thương	82	70	12	
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	41	39	2	
7	Sở Tài chính	20	17	3	
8	Sở Xây dựng	80	70	10	
9	Sở Giao thông Vận tải	95	80	15	
10	Sở Khoa học và Công nghệ	95	78	17	
11	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	2 843	1 765	1 078	
12	Sở Giáo dục và đào tạo	10 612	10 059	537	16
13	Sở Y tế	19 879	18 140	1 739	
14	Sở Văn hóa và Thể thao	1 473	1 216	257	
15	Sở Tư pháp	173	161	12	
16	Sở Tài nguyên và Môi trường	159	149	10	
17	Sở Quy hoạch Kiến trúc	99	85	14	
18	Ban quản lý khu công nghiệp và chế xuất	25	25		
III	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC THÀNH PHỐ	2 875	2 624	251	
1	Trung tâm bảo tồn di sản Thăng Long	219	125	94	
2	Trung tâm Xúc tiến Đầu tư Thương mại và Du lịch Thành phố	110	98	12	
3	Viện Nghiên cứu phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội	79	75	4	
4	Trường Đại học Thủ đô	386	371	15	
5	Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	247	233	14	
6	Trường Cao đẳng Nghệ thuật Hà Nội	149	143	6	
7	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	203	191	12	
8	Trường Cao đẳng Y tế Hà Đông	187	177	10	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2017			
		Tổng cộng	Trong đó		
			Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức
9	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Nội	177	172	5	
10	Trường Cao đẳng Cộng đồng Hà Tây	161	146	15	
11	Trường Cao đẳng Điện tử Điện lạnh Hà Nội	164	158	6	
12	Trường Cao đẳng Thương Mại và Du lịch Hà Nội	160	152	8	
13	Trường Cao đẳng Công nghệ Môi trường Hà Nội	83	73	10	
14	Trường Cao đẳng Nghề Công nghiệp Hà Nội	258	250	8	
15	Trường Cao đẳng Nghề Công nghệ cao Hà Nội	202	190	12	
16	Trường Cao đẳng Nghề Việt Nam - Hàn Quốc	90	70	20	
IV	KHỐI HỘI ĐƯỢC GIAO BIÊN CHẾ	472	373	34	65
1	Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Thành phố	23	9	2	12
2	Liên Hiệp các Tổ chức hữu nghị Thành phố	16	14	2	
3	Liên Hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Thành phố	9	3	4	2
4	Hội Chữ Thập Đỏ	21	19	2	
5	Hội Người mù	26		4	22
6	Hội Luật gia	5	5		
7	Hội Nhà Báo	7	5	1	1
8	Hội Đông Y	24	20	2	2
9	Hội Khuyến học	1			1
10	Hội cựu Thanh niên xung phong Thành phố	8		2	6
11	Liên minh hợp tác xã Thành phố	48	27	2	19
12	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Thành Đoàn	284	271	13	
V	ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP TRỰC THUỘC QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ	107 097	90 602	7 462	9 033
1	UBND Quận Hoàn Kiếm	2 058	1 741	201	116
2	UBND Quận Hai Bà Trưng	3 183	2 688	238	257
3	UBND Quận Ba Đình	2 790	2 387	214	189
4	UBND Quận Đống Đa	3 552	2 995	275	282
5	UBND Quận Tây Hồ	1 719	1 473	118	128
6	UBND Quận Thanh Xuân	2 346	2 001	163	182
7	UBND Quận Cầu Giấy	2 660	2 327	154	179
8	UBND Quận Hoàng Mai	3 429	2 932	223	274
9	UBND Quận Long Biên	3 957	3 316	251	390
10	UBND Quận Nam Từ Liêm	2 119	1 788	131	200
11	UBND Quận Bắc Từ Liêm	2 751	2 322	158	271

STT	TÊN ĐƠN VỊ	PHÂN BỐ BIÊN CHẾ SỰ NGHIỆP NĂM 2017			
		Tổng cộng	Trong đó		
			Viên chức	LĐHD theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	LĐHD theo định mức
12	UBND Quận Hà Đông	4 408	3 735	253	420
13	UBND Huyện Thanh Trì	3 981	3 321	292	368
14	UBND Huyện Gia Lâm	3 904	3 282	288	334
15	UBND Huyện Đông Anh	5 537	4 706	294	537
16	UBND Huyện Sóc Sơn	5 569	4 696	404	469
17	UBND Huyện Ba Vì	5 237	4 333	458	446
18	UBND Thị xã Sơn Tây	2 313	1 961	178	174
19	UBND Huyện Thạch Thất	3 738	3 192	257	289
20	UBND Huyện Phúc Thọ	3 325	2 825	222	278
21	UBND Huyện Đan Phượng	2 850	2 415	185	250
22	UBND Huyện Hoài Đức	4 230	3 579	235	416
23	UBND Huyện Quốc Oai	3 807	3 210	295	302
24	UBND Huyện Chương Mỹ	4 897	4 158	330	409
25	UBND Huyện Thanh Oai	3 447	2 924	220	303
26	UBND Huyện Thường Tín	4 058	3 480	270	308
27	UBND Huyện Ứng Hòa	3 583	3 020	280	283
28	UBND Huyện Phú Xuyên	4 035	3 413	270	352
29	UBND Huyện Mỹ Đức	3 810	3 138	370	302
30	UBND Huyện Mê Linh	3 804	3 244	235	325
VI	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	476	476		